



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0200453688

ngày 5 tháng 7 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 5 tháng 7 năm 2014.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Việt Hòa  
Ông Nguyễn Văn Tiến  
Ông Hoàng Trọng Giang  
Ông Lương Hoài Trân  
Ông Chada Gurudas Rajiv  
Ông Trần Xuân Bạo  
Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

*(đến ngày 25 tháng 3 năm 2014)*

Bà Hoàng Thị Hà

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Tiến  
Ông Hoàng Trọng Giang  
Ông Lương Hoài Trân  
Ông Nguyễn Thế Trọng

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định pháp lý có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hải Phòng, ngày 4 tháng 8 năm 2014



**KPMG Limited**  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 4 đến 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Đã cấp soát xét số: 14-02-123-b



**Đàm Xuân Lâm**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2014

**Nguyễn Tâm Anh**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0651-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014**

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>603.363.213.421</b>	<b>493.460.334.578</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>365.256.023.940</b>	<b>281.725.141.654</b>
Tiền	111		84.587.376.440	59.262.074.154
Các khoản tương đương tiền	112		280.668.647.500	222.463.067.500
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>10</b>	<b>76.957.441.852</b>	<b>60.857.070.180</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		84.731.425.330	69.107.070.180
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	129		(7.773.983.478)	(8.250.000.000)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>133.530.408.122</b>	<b>121.090.992.561</b>
Phải thu khách hàng	131		119.714.146.725	103.961.920.248
Trả trước cho người bán	132		5.508.754.789	15.697.380.802
Các khoản phải thu khác	135		9.379.509.302	2.503.694.205
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.072.002.694)	(1.072.002.694)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>11.370.226.115</b>	<b>10.322.798.343</b>
Hàng tồn kho	141		11.370.226.115	10.322.798.343
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.249.113.392</b>	<b>19.464.331.840</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.009.838.091	706.186.731
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.098.067.356	16.437.195.931
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.141.207.945	2.320.949.178
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>641.254.149.937</b>	<b>639.103.117.015</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>452.270.381.994</b>	<b>456.541.762.976</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	435.582.725.114	399.050.329.286
Nguyên giá	222		755.353.372.795	692.552.747.978
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(319.770.647.681)	(293.502.418.692)
Tài sản cố định vô hình	227	8	10.709.137.507	10.748.238.229
Nguyên giá	228		11.691.235.603	11.691.235.603
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(982.098.096)	(942.997.374)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	5.978.519.373	46.743.195.461
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>47.473.116.000</b>	<b>41.630.716.000</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		42.973.116.000	37.130.716.000
Đầu tư dài hạn khác	258		4.500.000.000	4.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>141.510.651.943</b>	<b>140.930.638.039</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	140.831.774.443	140.334.760.539
Tài sản dài hạn khác	268		678.877.500	595.877.500
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.244.617.363.358</b>	<b>1.132.563.451.593</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

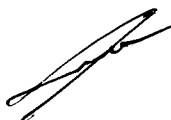
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>286.824.590.619</b>	<b>249.038.914.756</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>277.051.290.619</b>	<b>239.371.686.676</b>
Phải trả người bán	312	12	90.655.572.380	78.750.215.602
Người mua trả tiền trước	313		2.922.621.132	2.852.044.762
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	17.544.704.723	21.414.823.490
Phải trả người lao động	315		17.260.397.113	29.824.020.725
Chi phí phải trả	316	14	10.103.168.675	9.159.480.253
Các khoản phải trả khác	319	15	86.070.598.167	58.091.205.407
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	52.494.228.429	39.279.896.437
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.773.300.000</b>	<b>9.667.228.080</b>
Phải trả dài hạn khác	333		742.100.000	728.600.000
Vay dài hạn	334	17	9.031.200.000	8.938.628.080
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>957.792.772.739</b>	<b>883.524.536.837</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>957.792.772.739</b>	<b>883.524.536.837</b>
Vốn cổ phần	411	19	288.126.500.000	288.126.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	37.231.904.775	37.231.904.775
Cổ phiếu quỹ	414	19	(10.396.631.245)	(10.396.631.245)
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	406.528.068.031	310.151.868.629
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	28.812.650.000	24.038.502.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		207.490.281.178	234.372.392.678
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.244.617.363.358</b>	<b>1.132.563.451.593</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngoại tệ - USD	1.733.010	1.838.595

Ngày 4 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Lê Thế Trung  
Phó phòng Kế toán

Người chịu trách nhiệm:




Trần Xuân Bạo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014**

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>437.049.381.312</b>	<b>363.494.602.631</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>294.068.350.193</b>	<b>232.831.582.249</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>142.981.031.119</b>	<b>130.663.020.382</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.791.077.943	8.402.023.384
Chi phí tài chính	22	25	(320.642.190)	(801.802.371)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		151.720.776	730.031.699
Chi phí bán hàng	24		1.531.456.568	172.744.544
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.860.760.865	13.783.327.699
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>130.700.533.819</b>	<b>125.910.773.894</b>
Thu nhập khác	31		959.023.557	1.016.828.164
Chi phí khác	32		51.390.537	56.750.937
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>907.633.020</b>	<b>960.077.227</b>
<b>Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết</b>	<b>45</b>		<b>5.842.400.000</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)</b>	<b>50</b>		<b>137.450.566.839</b>	<b>126.870.851.121</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>	<b>24.749.668.428</b>	<b>25.287.439.089</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>112.700.898.411</b>	<b>101.583.412.032</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	62		112.700.898.411	101.583.412.032
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>(đã điều chỉnh lại)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	3.279	2.955

Ngày 4 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Lê Thế Trung  
Phó phòng Kế toán

Người lập:



Trần Xuân Bạo  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2014 (Phương pháp trực tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	530.263.083.314	371.155.875.984
Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(305.776.316.085)	(161.628.854.981)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(69.598.669.015)	(54.915.521.962)
Tiền chi trả lãi vay	04	(137.954.315)	(1.291.441.182)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(29.391.970.318)	(32.669.010.577)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	33.411.749.141	3.203.683.354
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(45.996.334.681)	(63.310.619.283)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>112.773.588.041</b>	<b>60.544.111.353</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(23.064.639.095)	(42.362.914.949)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	200.000.000	220.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ và công cụ vốn của các đơn vị khác	23	(36.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	22.518.330.000	302.334.885.910
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(2.397.366.476)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	7.089.367.485	7.620.026.703
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(29.256.941.610)</b>	<b>265.414.631.188</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

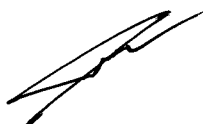
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	4.734.715.108	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.734.715.108)	(25.292.800.000)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(47.662.681.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(72.955.481.200)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>83.516.646.431</b>	<b>253.003.261.341</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>281.725.141.654</b>	<b>46.856.015.142</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>14.235.855</b>	<b>69.787.181</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	<b>70</b>	<b>365.256.023.940</b>	<b>299.929.063.664</b>

Ngày 4 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Lê Thế Trung  
Phó phòng Kế toán

Người lập:



Trần Xuân Bạo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

## **Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Tóm tắt lịch sử hình thành Công ty**

Tiền thân của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là Công ty Container Việt Nam được thành lập vào ngày 27 tháng 7 năm 1985. Vào tháng 4 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa và trở thành công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Container Phía Bắc, sau được đổi tên thành Công ty Cổ phần Container Việt Nam.

#### **(b) Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

#### **(c) Các đơn vị báo cáo**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

**% sở hữu và quyền biểu quyết  
30/6/2014 và 31/12/2013**

##### **Các công ty con**

Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	100%
Công ty TNHH Container Miền Trung	100%
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Tuyến T.S	100%
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	100%
Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	100%

---

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**% sở hữu và quyền biểu quyết**  
**30/6/2014 và 31/12/2013**

**Các công ty liên kết**

Công ty TNHH MSC Việt Nam	29%
Công ty Cổ phần Tiếp vận Xanh	35%
Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai	49%
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	37%

---

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty và các công ty con có 893 nhân viên (31/12/2013: 742 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty và các công ty con phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty và các công ty con trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 23 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 7 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất của Công ty và các công ty con là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty và các công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

## **Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

#### **(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ vận tải container và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty liên kết của Công ty và các công ty con và các bên khác theo quy các định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.656.053.735	1.291.594.688
Tiền gửi ngân hàng	81.931.322.705	57.970.479.466
Các khoản tương đương tiền	280.668.647.500	222.463.067.500
	<hr/>	<hr/>
	365.256.023.940	281.725.141.654
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**5. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>		
Thương mại	20.538.407.717	15.568.451.459
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**6. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	10.647.991.651	9.458.940.050
Công cụ và dụng cụ	8.713.583	10.996.333
Hàng hóa	713.520.881	852.861.960
	<hr/>	<hr/>
	11.370.226.115	10.322.798.343
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	257.317.471.710	33.924.667.223	399.611.789.383	1.698.819.662	692.552.747.978
Tăng trong kỳ	-	1.429.500.000	13.922.831.914	2.602.123.371	17.954.455.285
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	53.590.072.021	-	-	-	53.590.072.021
Thanh lý	(3.132.388.305)	7.302.460.515	(12.861.204.920)	(52.769.779)	(8.743.902.489)
Phân loại lại	1.164.810.685	(31.692.430.305)	30.564.643.256	(37.023.636)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>308.939.966.111</b>	<b>10.964.197.433</b>	<b>431.238.059.633</b>	<b>4.211.149.618</b>	<b>755.353.372.795</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	90.090.047.810	3.764.869.934	198.502.135.899	1.145.365.049	293.502.418.692
Khấu hao trong kỳ	14.197.012.444	1.235.326.388	19.241.676.891	285.345.976	34.959.361.699
Thanh lý	(3.709.264.774)	1.100.124.533	(6.081.992.469)	-	(8.691.132.710)
Phân loại lại	-	(1.291.366.228)	1.291.366.228	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>100.577.795.480</b>	<b>4.808.954.627</b>	<b>212.953.186.549</b>	<b>1.430.711.025</b>	<b>319.770.647.681</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	167.227.423.900	30.159.797.289	201.109.653.484	553.454.613	399.050.329.286
Số dư cuối kỳ	208.362.170.631	6.155.242.806	218.284.873.084	2.780.438.593	435.582.725.114

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 112.140 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 89.093 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 50.560 triệu VND (31/12/2013: 53.655 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	10.546.857.273	1.144.378.330	11.691.235.603
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	942.997.374	942.997.374
Khấu hao trong kỳ	-	39.100.722	39.100.722
Số dư cuối kỳ	-	982.098.096	982.098.096
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	10.546.857.273	201.380.956	10.748.238.229
Số dư cuối kỳ	10.546.857.273	162.280.234	10.709.137.507

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 911 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 871 triệu VND).

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	46.743.195.461	12.966.164.904
Tăng trong kỳ	12.825.395.933	27.543.420.333
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(53.590.072.021)	(15.802.747.695)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(55.000.000)
Số dư cuối kỳ	5.978.519.373	24.651.837.542

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nâng cấp phần mềm	4.248.855.624	-
Mua xe đầu kéo	1.700.645.568	-
Xây dựng nhà kho và bãi chứa container	-	24.651.837.542
Các công trình khác	29.018.181	-
	5.978.519.373	24.651.837.542

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

	% quyền biểu quyết	Số tiền đã đầu tư	
		30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết:			
▪ Công ty TNHH MSC Việt Nam	29%	6.741.400.000	899.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tiếp vận Xanh	35%	20.960.000.000	20.960.000.000
▪ Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai	49%	3.061.716.000	3.061.716.000
▪ Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	37%	12.210.000.000	12.210.000.000
		<b>42.973.116.000</b>	<b>37.130.716.000</b>
Các khoản đầu tư dài hạn khác:			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		4.500.000.000	4.500.000.000
		<b>47.473.116.000</b>	<b>41.630.716.000</b>

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Đầu tư ngắn hạn:				
▪ Cổ phiếu (*)	8.820.200	81.310.705.330	5.385.600	46.890.486.613
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		3.420.720.000		22.216.583.567
		<b>84.731.425.330</b>		<b>69.107.070.180</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn				
		<b>(7.773.983.478)</b>		<b>(8.250.000.000)</b>
		<b>76.957.441.852</b>		<b>60.857.070.180</b>

(\*) Trong 8.820.200 cổ phiếu đầu tư Công ty và các công ty con đang nắm giữ có 3.300.000 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một năm kể từ ngày mua.

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	8.250.000.000	14.625.000.000
Tăng dự phòng trong kỳ	273.983.478	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(750.000.000)	(1.875.000.000)
	<b>7.773.983.478</b>	<b>12.750.000.000</b>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	89.509.034.614	24.081.644.427	26.744.081.498	140.334.760.539
Tăng trong kỳ	-	13.010.350.283	8.770.299.404	21.780.649.687
Phân loại lại	18.006.397.324	4.667.850.282	(22.674.247.606)	-
Phân bổ trong kỳ	(1.789.314.567)	(16.294.377.481)	(3.199.943.735)	(21.283.635.783)
Số dư cuối kỳ	105.726.117.371	25.465.467.511	9.640.189.561	140.831.774.443

**12. Phải trả người bán**

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai	211.681.800	310.167.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Xanh	46.789.820	-
	258.471.620	310.167.000

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.491.376.769	1.370.799.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.566.477.485	15.208.779.375
Thuế thu nhập cá nhân	337.117.610	923.089.167
Các loại thuế khác	5.149.732.859	3.912.155.701
	17.544.704.723	21.414.823.490

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**14. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	108.697.221	94.930.760
Chi phí tiền thuê đất	5.457.972.919	2.378.000.640
Chi phí sửa chữa lớn	2.000.000.000	-
Chi phí phải trả khác	2.536.498.535	6.686.548.853
	<hr/>	<hr/>
	10.103.168.675	9.159.480.253
	<hr/>	<hr/>

**15. Các khoản phải trả khác**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	4.453.415.273	3.854.558.448
Bảo hiểm xã hội	169.127.676	-
Bảo hiểm y tế	71.573.849	-
Bảo hiểm thất nghiệp	34.899.042	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.178.936.008	6.713.415.608
Các khoản thu hộ hãng tàu	51.645.781.776	38.892.009.882
Cổ tức phải trả	14.323.025.000	-
Phải trả khác	8.193.839.543	8.631.221.469
	<hr/>	<hr/>
	86.070.598.167	58.091.205.407
	<hr/>	<hr/>

**16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	39.279.896.437	30.055.889.594
Trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	22.864.637.509	22.050.515.182
Sử dụng trong kỳ	(9.650.305.517)	(5.436.330.092)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	52.494.228.429	46.670.074.684
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**17. Vay dài hạn**

	<b>30/6/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn - hoàn trả sau 12 tháng	9.031.200.000	8.938.628.080

Điều khoản và điều kiện của khoản vay còn số dư là như sau:

<b>Vay từ</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Phòng	USD	4,05%	2017	9.031.200.000	8.938.628.080

Từ ngày 16 tháng 1 năm 2014, lãi suất của khoản vay được giảm xuống còn 4,05%/năm theo thông báo điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại là 50.560 triệu VND (31/12/2013: 53.655 triệu VND) (Thuyết minh 7).



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	240.385.020.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	251.349.616.292	21.031.402.360	217.790.623.926	757.391.936.108
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	101.583.412.032	101.583.412.032
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	3.007.099.640	(3.007.099.640)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(22.050.515.182)	(22.050.515.182)
Có tức	-	-	-	-	-	(47.743.804.000)	(47.743.804.000)
Thường Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.195.000.000)	(1.195.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	240.385.020.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	251.349.616.292	24.038.502.000	245.377.617.136	787.986.028.958
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	288.126.500.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	310.151.868.629	24.038.502.000	234.372.392.678	883.524.536.837
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	112.700.898.411	112.700.898.411
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	96.376.199.402	4.774.148.000	(101.150.347.402)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(22.864.637.509)	(22.864.637.509)
Có tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	-	(14.323.025.000)	(14.323.025.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.245.000.000)	(1.245.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	288.126.500.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	406.528.068.031	28.812.650.000	207.490.281.178	957.792.772.739

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

## 19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2014 và 31/12/2013</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	28.812.650	288.126.500.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	166.600	10.396.631.245
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông (*)	28.646.050	277.729.868.755

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

(\*) Trong các cổ phiếu đang lưu hành có 144.000 cổ phiếu ESOP phát hành cho cán bộ nhân viên của Công ty với điều khoản hạn chế chuyển nhượng trong vòng hai năm (đối với cổ phiếu do nhân viên nắm giữ) và năm năm (đối với phiếu do người giữ chức vụ từ phó trưởng phòng trở lên nắm giữ) kể từ ngày phát hành (ngày 25 tháng 10 năm 2012).

## 20. Cổ tức

Ngày 21 tháng 3 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 14.323 triệu VND (5% mệnh giá cổ phần). Ngày 10 tháng 7 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc thanh toán cổ tức bằng tiền này.

Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2014 của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phiếu. Ngày 5 tháng 7 năm 2014, Công ty đã phát hành 5.728.891 cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại năm 2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2014.

## 21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

### (a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

### (b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**22. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	437.049.381.312	363.494.602.631

**23. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	294.068.350.193	232.831.582.249

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi	6.690.165.033	7.838.028.549
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	617.610	31.556.668
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	100.295.300	532.438.167
	6.791.077.943	8.402.023.384

**25. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	151.720.776	730.031.699
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.653.556	343.165.930
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	273.983.478	-
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(750.000.000)	(1.875.000.000)
	(320.642.190)	(801.802.371)

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**26. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	24.972.084.282	25.287.439.089
Dự phòng thừa trong những năm trước	(222.415.854)	-
	<u>24.749.668.428</u>	<u>25.287.439.089</u>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	137.450.566.839	126.870.851.121
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	30.239.124.705	31.717.712.780
Ảnh hưởng của mức thuế suất ưu đãi	(4.344.546.442)	(6.430.273.691)
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(1.226.849.692)	-
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	304.355.711	-
Dự phòng thừa trong những năm trước	(222.415.854)	-
	<u>24.749.668.428</u>	<u>25.287.439.089</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013: 25%). Riêng hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp cảng Viconship được hưởng mức thuế suất ưu đãi 20% trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên.

Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và 22% trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Các công ty con còn lại của Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

Theo quy định của Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015 và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ, được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	112.700.898.411	101.583.412.032

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013 (đã được trình bày trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	28.646.050	23.871.902
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào ngày 3 tháng 7 năm 2013 để trả cổ tức	-	4.774.148
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành vào ngày 5 tháng 7 năm 2014	5.728.891	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	34.374.941	28.646.050

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND (đã được trình bày trước đây)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	112.700.898.411	101.583.412.032
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	34.374.941	28.646.050
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.279	3.546

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(iv) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013**

Trong kỳ, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 20). Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được điều chỉnh lại như sau:

	<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND</b>
Số báo cáo trước đây	28.646.050	3.546
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	5.728.891	(591)
Số điều chỉnh lại	<u>34.374.941</u>	<u>2.955</u>

**28. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty và các công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty và các công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty và các công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty và các công ty con gặp phải.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty và các công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty và các công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	362.599.970.205	280.433.546.966
Các khoản đầu tư ngắn hạn - tiền gửi có kỳ hạn	(i)	3.420.720.000	22.216.583.567
Các khoản đầu tư dài hạn - tiền gửi có kỳ hạn	(i)	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	128.021.653.333	105.393.611.759
		<hr/>	<hr/>
		498.542.343.538	412.543.742.292

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty và các công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty và các công ty con.

**(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty và công ty con liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc áp dụng chính sách cung cấp dịch vụ trả tiền ngay đối với các khách hàng cá nhân. Hạn mức mua hàng hóa và dịch vụ trả chậm được thiết lập cho các khách hàng là công ty và đại lý khi có đảm bảo của ngân hàng hoặc tài sản đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và công ty con. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chưa quá hạn	128.021.653.333	105.393.611.759
Quá hạn trên 180 ngày	1.072.002.694	1.072.002.694
	129.093.656.027	106.465.614.453

Tại ngày báo cáo, Công ty và công ty con đã trích lập 100% dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn trên 180 ngày.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty và các công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty và các công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty và các công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty và các công ty con.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 - 2 năm Triệu VND	2 - 5 năm Triệu VND
<b>30/6/2014</b>					
Phải trả người bán và phải trả khác	167.669	167.669	167.669	-	-
Vay dài hạn	9.031	10.059	366	366	9.327
	176.700	177.728	168.035	366	9.327
<b>31/12/2013</b>					
Phải trả người bán và phải trả khác	142.780	142.780	142.780	-	-
Vay dài hạn	8.939	10.235	536	2.813	6.886
	151.719	153.015	143.316	2.813	6.886



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty và các công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty và các công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty và các công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con, chủ yếu từ các giao dịch bằng Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty và các công ty con được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày báo cáo, công ty và các công ty con có các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.733.010	1.838.595
Phải thu khách hàng	17.960	15.096
Phải trả người bán	(423.486)	(450.726)
Vay dài hạn	(424.000)	(424.000)
	<hr/>	<hr/>
	903.484	978.965
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty và các công ty con áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
USD/VND	21.300	21.085
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty và các công ty con sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần hợp nhất VND</b>
<b>30/6/2014</b>	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	300.209.664
<b>31/12/2013</b>	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	407.923.863

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty và các công ty con.

**(ii) *Rủi ro lãi suất***

Tại ngày báo cáo, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con chịu lãi suất thả nổi. Công ty và các công ty con không có chính sách nào để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty và các công ty con như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/6/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Tài sản tài chính	370.520.690.205	307.150.130.533
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Nợ phải trả tài chính	(9.031.200.000)	(8.938.628.080)

Nếu lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi thay đổi tăng 1% một năm, lợi nhuận thuần của Công ty và các công ty con trong kỳ sẽ giảm 35 triệu VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 67 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**(iii) *Các rủi ro thị trường khác***

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty và các công ty con nắm giữ. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Giám đốc phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
▪ Các khoản đầu tư ngắn hạn - tiền gửi có kỳ hạn	3.421	(*)	22.217	(*)
▪ Các khoản đầu tư dài hạn - tiền gửi có kỳ hạn	4.500	(*)	4.500	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	365.256	365.256	281.725	281.725
▪ Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.022	(*)	105.394	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
▪ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	73.537	(*)	38.640	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán và phải trả khác	(160.598)	(*)	(142.780)	(*)
▪ Vay dài hạn	(9.031)	(*)	(8.939)	(*)

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

(\*) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>Công ty liên kết</b>		
▪ <i>Công ty TNHH MSC Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	39.557.763.480	86.236.122.834
Sử dụng dịch vụ	18.061.415	-
Nhận cổ tức	-	13.050.000.000
▪ <i>Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai</i>		
Cung cấp dịch vụ	20.311.795	-
Sử dụng dịch vụ	779.184.000	1.546.452.000
▪ <i>Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng</i>		
Mua cổ phiếu bằng tiền	-	12.210.000.000
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.611.065.932	2.170.686.956
<b>Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</b>		
Tiền thưởng	1.245.000.000	1.565.000.000

**30. Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang của Công ty và các công ty con như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	4.756.812.773	4.238.575.987
Trong vòng hai đến năm năm	21.623.865.472	13.471.021.777
Sau năm năm	20.364.560.504	19.125.959.080
	<b>46.745.238.749</b>	<b>36.835.556.844</b>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

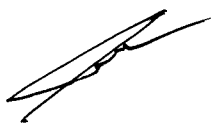
Mẫu B 09a – DN/HN

**31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí kinh doanh	58.773.294.326	28.727.904.356
Chi phí nhân công	47.179.654.023	43.152.566.992
Chi phí khấu hao	34.998.462.421	31.829.963.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.467.815.890	111.208.288.214
Chi phí khác	36.041.340.966	31.868.931.451

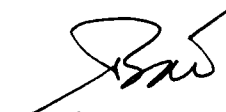
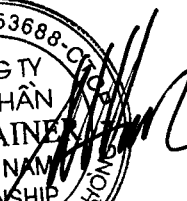
Ngày 4 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Lê Thế Trung  
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:

Trần Xuân Bạo  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiên  
 Tổng Giám đốc

